

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM HỌC 2025 - 2026

Tên nhóm/ lớp: Nhà trẻ 25–36 tháng tuổi số 1

Số lượng trẻ trong nhóm/ lớp: 24 trẻ

Số giáo viên/ 1 lớp, tên giáo viên: Lớp có 2 cô giáo ;

Cô giáo: Đào Thị Lai; Lò Thị Khánh

I. MỤC TIÊU CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG.

Cô giáo là người chăm sóc trẻ có vai trò thay thế người mẹ để chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian trẻ ở trường. Giúp trẻ làm quen với chế độ sinh hoạt một ngày và nề nếp của lớp. Vì vậy cô giáo cần chăm sóc nhu cầu về ăn, ngủ, vệ sinh, chăm sóc sức khỏe và an toàn cho trẻ.

- Tổ chức cho trẻ ăn:

- + Tối thiểu hai bữa chính và một bữa phụ/ngày tại trường, lớp học.
- + Trẻ cần được ăn đủ nhu cầu về năng lượng và các chất dinh dưỡng.
- + Nước uống khoảng 0,8 – 1,6 lít/trẻ/ ngày (Kể cả nước trong thức ăn)
- + Thực đơn được xây dựng hàng ngày theo tuần, theo mùa.

Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe. (Trẻ nói được tên một số món ăn được chế biến hàng ngày, biết ăn chín uống sôi...)

- Chăm sóc bữa ăn: Luyện cho trẻ một số thói quen tốt trong ăn uống.

Hướng dẫn hoặc nhắc nhở trẻ lau miệng và lau tay. Tập cho trẻ tự bưng cốc, uống nước hướng dẫn trẻ uống nước từ từ, từng ngụm để không sặc hoặc làm đổ, ướt áo.

Nhắc nhở trẻ không đùa nhiều hoặc chạy nhảy sau khi ăn.

- Tổ chức ngủ: Tổ chức cho trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa khoảng 150 phút.

- Tổ chức vệ sinh:

+Vệ sinh cá nhân

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

- Chăm sóc sức khỏe và an toàn

+ Cho trẻ khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

+ Phòng tránh một số tai nạn thường gặp và bảo vệ an toàn.

II. NỘI DUNG CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG

1. Tổ chức ăn

** Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:*

+ Chế độ ăn: Cơm thường; Nhu cầu năng lượng tại nhà trường/ ngày/ trẻ: 600-651Kcal

* *Số bữa ăn tại lớp Nhà trẻ 25–36 tháng tuổi số 1 - Trường MN Thanh Trường là*
: Một bữa sáng, 2 bữa chính và một bữa phụ.

+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30 đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

* *Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng được xây dựng theo cơ cấu:*

Chất đạm cung cấp khoảng 13%-20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo cung cấp khoảng 30% đến 40% năng lượng khẩu phần.

Chất bột cung cấp khoảng 47%-50% năng lượng khẩu phần.

Tùy theo thực đơn để tính lượng lương thực, thực phẩm đảm bảo khẩu phần ăn của trẻ cân đối, hợp lý theo yêu cầu sau: Đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng và cân đối vitamin và khoáng chất.

* *Nước uống*

- Nhu cầu của cơ thể phụ thuộc rất lớn vào thời tiết và hoạt động của trẻ. Hằng ngày trẻ được uống nước đầy đủ. Nhu cầu nước của trẻ từ 0,8 – 1,6 l/ trẻ/ ngày (bao gồm nước uống và nước trong thức ăn). Mỗi trẻ có một cốc riêng. Mùa đông có bình ủ nước cho ấm. Mùa hè nóng nực cho trẻ uống nhiều nước hơn;

+ Trẻ còn nhỏ có nhiều trẻ bị khát nhưng không biết đòi uống nước, cô quan sát, phát hiện và cho trẻ uống kịp thời. Cho trẻ uống theo nhu cầu và chia làm nhiều lần trong ngày. Không nên cho trẻ uống nhiều nước trước bữa ăn hoặc uống một lần quá nhiều nước.

* *Chăm sóc bữa ăn.*

+ *Trước khi ăn:* Kê bàn ghế cho trẻ và lau bàn bằng khăn ẩm; Chuẩn bị đủ bát, thìa, khăn mặt sạch, ẩm đặt vào đĩa để trên bàn; Chia dư thêm một suất phòng khi trẻ ăn hết suất, trẻ còn muốn ăn thêm hoặc trẻ đánh đổ cơm hay thức ăn; Cho trẻ đi vệ sinh, lau tay Nếu trẻ còn ngủ thì trẻ nào dậy trước tỉnh táo cho ăn trước, không đánh thức đồng loạt.

+ *Trong khi ăn:*

Xếp trẻ chưa xúc ăn thào ngồi riêng bàn để tiện chăm sóc mỗi bàn 4-6 trẻ. Bàn nào chuẩn bị xong thì cho ăn trước, không để trẻ ngồi đợi lâu quá 10 phút hoặc đợi cùng nhau ăn đồng loạt.

Nên chia món ăn mận vào bát của trẻ rồi xới cơm vào bát và trộn đều cho trẻ ăn, sau đó chan canh.

+ *Sau khi ăn:*

Hướng dẫn hoặc nhắc nhở trẻ lau miệng và lau tay. Tập cho trẻ tự bung cúc, uống nước hướng dẫn trẻ uống nước từ từ, từng ngụm để không sặc hoặc làm đổ, ướt áo.

Nhắc nhở trẻ không đùa nhiều hoặc chạy nhảy sau khi ăn.

2. Tổ chức ngủ

- Tổ chức cho trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa (khoảng 140 - 150 phút)

** Chuẩn bị cho trẻ ngủ*

-Trước khi ngủ:

+ Hướng dẫn trẻ cùng chuẩn bị chỗ ngủ, nhắc trẻ đi vệ sinh và tự đi đến chỗ ngủ.

+ Mùa đông cho trẻ cởi bớt quần áo, mũ, khăn quàng cổ. Không để trẻ khóc nhiều, hoặc vận động quá mức trước khi ngủ.

+ Xếp riêng chỗ ngủ đối với trẻ yếu, khó ngủ, hay quấy khóc, hay đi vệ sinh nhiều

+ Với trẻ khó ngủ cô lại gần vỗ về cho trẻ ngủ

** Chăm sóc khi trẻ ngủ*

- Cô ngồi quan sát, phát hiện xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi trẻ ngủ.

- Mùa hè cô bật quạt đủ độ mát cho trẻ, cho trẻ mặc quần áo mát khi đi ngủ.

- Mùa đông cô đảm bảo đủ ấm cho trẻ khi ngủ.

- Thời gian đầu trẻ chưa quen giấc ngủ, cô không nên ép trẻ ngủ ngay mà để cho trẻ làm quen dần và có thể ngủ muộn hơn trẻ khác 1 chút, nhưng vẫn phải giữ im lặng cho các bạn khác ngủ.

Nếu có trẻ thức dậy sớm và quấy khóc cô cần dỗ dành trẻ ngủ tiếp, nếu trẻ không ngủ nữa thì đưa sang chỗ khác , dỗ trẻ chơi.

** Chăm sóc trẻ khi trẻ thức dậy.*

- Trẻ nào thức giấc trước cô cho dậy trước tránh tình trạng đánh thức đồng loạt ảnh hưởng đến giấc ngủ của trẻ khác và sinh hoạt của lớp. Trẻ yếu và có nhu cầu ngủ nhiều nên cho thức dậy sau cùng.

- Sau khi trẻ dậy lau mặt cho trẻ tỉnh ngủ và dỗ trẻ chơi. Cho trẻ đi vệ sinh và hướng dẫn trẻ cùng cô thu dọn chỗ ngủ: Cát gối, chăn.

- Mở cửa để thông thoáng phòng. Làm vệ sinh nơi ngủ, chăn, giường nếu có trẻ đái dầm.

3. Tổ chức vệ sinh

a. Vệ sinh cá nhân

- Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân.

- Chuẩn bị đầy đủ xô, chậu đảm bảo mỗi trẻ một chiếc khăn mặt sạch

- Chuẩn bị đủ dụng cụ cho trẻ rửa tay: Thùng có vòi xả phòng rửa tay, xô để hứng nước bẩn.

+ Đối với trẻ bé hằng ngày yêu cầu cha mẹ đem theo một số khăn sạch để lau mũi cho trẻ.

- *Vệ sinh da:* Lau mặt cho trẻ trước và sau khi ăn, sau khi ngủ dậy, khi mặt bị bẩn.

+ Những trẻ bị bệnh ngoài da cần lau cho trẻ sau cùng và giặt khăn mặt riêng để không bị lây cho trẻ khác.

+ Cô rửa tay cho trẻ dưới vòi nước chảy bằng xà phòng.

- *Vệ sinh răng miệng:*

+ Làm vệ sinh miệng cho trẻ ngay khi trẻ tiếp xúc với thức ăn

+ Với trẻ cô lấy nước và nhắc trẻ súc miệng.

+ Phối hợp với gia đình hướng dẫn trẻ 3 tuổi tập chải răng.

+ Tuyên truyền với gia đình cho trẻ khám định kỳ để phát hiện sớm răng sâu và chữa kịp thời.

+ Không để trẻ mặc quần áo ẩm ướt. Nhắc các phụ huynh mang đủ quần áo, khăn... để thay cho trẻ khi cần thiết. Nhắc phụ huynh mua giày dép vừa chân trẻ, mềm, nhẹ có quai, đi lại dễ dàng.

*** Một số yêu cầu về vệ sinh đối với giáo viên và người chăm sóc trẻ.**

*** Vệ sinh thân thể**

- Quần áo của các cô phải luôn gọn gàng, sạch sẽ

- Giữ gìn thân thể sạch sẽ, đầu tóc luôn gọn gàng, móng tay cắt ngắn.

- Đảm bảo đôi bàn tay luôn sạch sẽ khi chăm sóc trẻ

- Đồ dùng cá nhân của cô và trẻ phải để riêng biệt

b. Vệ sinh môi trường:

+ *Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:* Bát, thìa, ca, cốc phục vụ ăn uống cho trẻ đảm bảo theo quy định, mỗi trẻ có ca, cốc, bát, thìa. Khăn mặt riêng với ký hiệu riêng, đảm bảo sạch sẽ, hợp vệ sinh. Không dùng loại bát, thìa, cốc bằng nhựa tái sinh hoặc sứ mẻ. Hằng ngày, giặt khăn mặt bằng xà phòng và nước sạch, sau đó phơi nắng hoặc sấy khô. Hằng tuần, hấp hoặc luộc khăn một lần.

+ Bình, thùng đựng nước uống phải có nắp đậy, được vệ sinh hằng ngày, để nơi sạch sẽ, tránh bụi bẩn. Nước không uống hết sau một ngày phải đổ đi. Tuyệt đối không cho trẻ sờ tay hoặc uống trực tiếp vào bình nước; Bàn ghế, đồ dùng trong lớp thường xuyên lau sạch sẽ, tránh để bám bụi bẩn; Đồ dùng vệ sinh (xô, chậu...) dùng xong đánh rửa sạch sẽ, úp nơi khô ráo, gọn gàng.

+ Đồ chơi phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn khi cho trẻ chơi. Hằng tuần nhà trường tổ chức vệ sinh đồ chơi của trẻ ít nhất một lần. (Thứ 6 hàng tuần)

*** Vệ sinh phòng nhóm:**

+ Hằng ngày, trước khi đến lớp cần: mở tất cả cửa sổ và cửa ra vào để phòng được thông thoáng; Mỗi ngày quét nhà và lau nhà ít nhất 3 lần (trước giờ đón trẻ và sau 2 bữa ăn)

+ Nếu có trẻ đái dầm khi ngủ, sau khi trẻ ngủ dậy cần làm vệ sinh ngay.

+ Không đi guốc dép bẩn vào phòng trẻ. Mỗi tuần cần tổ chức tổng vệ sinh toàn bộ phòng trẻ: Lau các cửa sổ, quét mạng nhện, lau bóng đèn, cọ rửa nền nhà, cọ giát giường, phơi chăn chiếu...

+ Cùng với bộ phận khác làm vệ sinh ngoại cảnh (quét dọn sân vườn, khơi thông cống dẫn, phát bụi rậm quanh nhà...)

c. Xử lý rác, nước thải

** Xử lý rác*

- Mỗi lớp nên có 1-2 thùng rác có nắp đậy, hợp vệ sinh

- Rác phải được thu gom, phân loại và đổ rác hằng ngày đúng nơi quy định

- Xử lý rác đảm bảo vệ sinh theo quy định, không gây ô nhiễm môi trường. Trường hợp có hố rác chung của trường, sau mỗi lần đổ rác lại lấp phủ một lớp đất mỏng, khi đổ đầy lấp đất dày 15-20cm.

** Xử lý nước thải*

Hệ thống xử lý nước thải phải có nắp đậy, đảm bảo an toàn. Thường xuyên khơi thông cống rãnh, tránh ứ đọng. Hằng tuần, tổng vệ sinh toàn bộ hệ thống cống rãnh.

d. Giữ sạch nguồn nước.

Cung cấp đủ nước sạch để nấu ăn và sinh hoạt: Trẻ học một buổi là 10 lít/ trẻ/ buổi; Trẻ bán trú là 50-60 lít/trẻ/ngày.

Dụng cụ chứa nước đảm bảo sạch và không gây độc, có nắp đậy, dễ cọ rửa, an toàn cho người sử dụng. Tránh để nước lưu quá lâu ngày(tùy theo loại nước sử dụng mà có thể cọ rửa dụng cụ định kì 1 tháng/1 lần hoặc 3 tháng 1 lần).

* Lưu ý: Trong quá trình sử dụng, nếu phát hiện thấy nguồn nước có màu, mùi, vị khác lạ, cần tạm ngừng sử dụng và báo cho ban giám hiệu nhà trường để có biện pháp xử lý kịp thời.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm. Theo dõi, đánh giá sự phát triển cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi (theo quý), phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì (theo tháng).

- Phòng tránh các bệnh thường gặp ở trẻ.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thương tích thường gặp.

- Cô, trẻ và các bậc phụ huynh thực hiện tốt việc phòng, chống dịch Covid 19, cũng như các dịch bệnh khác.

- Phối hợp liên ngành với gia đình, nhà trường, xã hội và cộng đồng cùng chăm sóc, giáo dục trẻ.

III. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO TỪNG LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN

1. MỤC TIÊU GIÁO DỤC:

a. Mục tiêu chung:

Giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

Tiếp tục tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số trên địa bàn phường Thanh Trường, đặc biệt là điểm trường phổ 6, bảo đảm cho trẻ có kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng tiếng Việt để hoàn thành chương trình GDMN tạo tiền đề để học tập, lĩnh hội tri thức của các cấp học tiếp theo; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững các dân tộc thiểu số, đóng góp vào sự tiến bộ, phát triển của địa phương. Hình thành và phát triển khả năng sử dụng tiếng Việt của trẻ, chuẩn bị cho trẻ học tập ở trường Tiểu học như: Hình thành và phát triển khả năng nghe nói Tiếng Việt; Hiểu và sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày. Trẻ tự tin trong giao tiếp và có hứng thú khi học tiếng Việt

- Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, tôn trọng quyền trẻ em trong các hoạt động trong ngày.
- Xây dựng giáo dục kỹ năng sống cho trẻ thông qua các hoạt động.
- Thực hiện STEAM, trang trí góc và làm đồ dùng STEAM phù hợp với trường, lớp và bối cảnh địa phương.
- Tích hợp ứng dụng trí tuệ nhân tạo, các công cụ AI trong quản lý, giảng dạy và hỗ trợ học sinh, phù hợp với xu thế chuyển đổi số trong ngành giáo dục.
- Giáo dục và phát triển cảm xúc xã hội cho trẻ mầm non trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non
- Xây dựng thư viện thân thiện trong trường mầm non.

Tiếp tục tổ chức thực hiện công tác bán trú với chế độ dinh dưỡng hợp lý cho trẻ mầm non để phòng, chống dịch bệnh. Bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng chống lây nhiễm bệnh. Tăng cường giáo dục dinh dưỡng và phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong đảm bảo chế độ dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm phòng dịch bệnh cho trẻ tại gia đình.

Tiếp tục xây dựng và hướng dẫn cha mẹ trẻ sử dụng kho tài liệu, học liệu, các video hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhà thông qua ứng dụng zalo, viber,

website nhà trường... Xây dựng kịch bản thực hiện Chương trình trong tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hướng dẫn một số ứng dụng công nghệ trong tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non. (Ứng dụng phần mềm Vnedu.vn: Chữ kí số của GV, tổ trưởng, Ban Giám hiệu). Tăng cường công tác phối hợp liên ngành và gia đình nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non trong bối cảnh dịch bệnh.

b. Mục tiêu cụ thể:

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ em từ 24- 36 tháng tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ...

Trẻ là người DTTS biết nói Tiếng Việt; Hiểu và sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày. Trẻ tự tin trong giao tiếp và có hứng thú khi học tiếng Việt.

Tổ chức giáo dục cảm xúc thông qua trải nghiệm.

Tổ chức giáo dục phát triển thẩm mỹ, nhận thức phù hợp với bối cảnh địa phương.

Quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ trải nghiệm nhằm hình thành và phát triển các biểu tượng toán cho trẻ mầm non.

- Tổ chức các hoạt động cho trẻ tạo nên giờ học hạnh phúc, lớp học hạnh phúc trong trường học hạnh phúc để thực hiện chủ đề “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, tôn trọng quyền trẻ em”. trong các hoạt động ở trường mầm non.

- Tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ thông qua các hoạt động trải nghiệm, lồng ghép, chuyên biệt

- Trang trí góc, lớp học STEAM.

- Tổ chức hoạt động thư viện thân thiện theo kế hoạch

- Hướng dẫn một số ứng dụng công nghệ trong tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non. (Ứng dụng phần mềm Vnedu.vn: Chữ kí số của GV, tổ trưởng, Ban Giám hiệu).

- Tích hợp ứng dụng trí tuệ nhân tạo, các công cụ AI trong quản lý, giảng dạy và hỗ trợ học sinh, phù hợp với xu thế chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

- Giáo dục và phát triển cảm xúc xã hội cho trẻ mầm non trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non

***. Giáo dục phát triển thể chất.**

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.

- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.

- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).

- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.

- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân

. *Phát triển nhận thức.

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan: Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật của một số đồ vật, hoa quả, cây cối, con vật gần gũi và công dụng; Nhận ra 3 màu cơ bản (đỏ, xanh, vàng); Nhận ra một số âm thanh, mùi vị quen thuộc, gần gũi.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.
- Biết tên cô giáo và các bạn trong lớp.

. *Phát triển ngôn ngữ.

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

. *Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc ; thích vẽ, xé giấy, xếp hình ; thích nghe đọc thơ kể chuyện...
- Có một số kỹ năng xã hội thông qua các hoạt động hằng ngày.
- Bảo vệ thông tin bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em khi trẻ em tiếp cận thông tin, tham gia các hoạt động trên môi trường mạng và ngăn chặn, xử lý các hành vi lợi dụng môi trường mạng thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm đối với trẻ em dưới mọi hình thức theo quy định của pháp luật.
- Trang bị kiến thức, kỹ năng số cho trẻ em theo từng độ tuổi để biết tự bảo vệ mình và biết cách tương tác an toàn trên môi trường mạng trong đó gồm: Sử dụng mạng lành mạnh, an toàn, tự bảo vệ mình khi tham gia tương tác trên môi trường mạng và cách thức nhận diện, thông báo, tố giác hành vi, vụ việc xâm hại trẻ em trên môi trường mạng.
- Phân loại nội dung phù hợp với các độ tuổi của trẻ em, triển khai các giải pháp để bảo vệ trẻ em và hỗ trợ cha mẹ quản lý việc sử dụng ứng dụng, dịch vụ của trẻ em trên môi trường mạng.

- Lồng ghép vào chương trình giáo dục các nội dung trang bị kiến thức, kỹ năng cao nhận thức về môi trường mạng cho trẻ em và kỹ năng cơ bản khi tham gia sử dụng Internet, cách thức tìm kiếm sự hỗ trợ khi bị xâm hại trên môi trường mạng.
- Giáo dục và phát triển cảm xúc xã hội cho trẻ mầm non trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non (11 năng lực cảm xúc xã hội: Đồng cảm với người khác; Giải quyết xung đột; Tôn Trọng sự đa dạng; Hòa hợp với thiên nhiên; Kiểm soát bản thân; Linh hoạt nhận thức; Trí nhớ làm việc; Đặt tên cảm xúc; Nhìn nhận bản thân tích cực; Lòng biết ơn; Áp dụng các quy tắc xã hội)

2. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
* Phát triển vận động			
1	Trẻ thực hiện được động tác trong bài thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân	- Hô hấp: + Hít vào thật sâu(Ngửi hoa) + Thở ra từ từ(Thổi nơ, thổi bóng, gà gáy). - Tay: + 2 tay giơ lên cao, hạ xuống + 2 tay đưa sang ngang, hạ xuống + 2 tay đưa về phía trước - đưa về phía sau + 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau. - Lưng, bụng, lườn: + Nghiêng người sang 2 bên phải,trái + Quay người sang 2 bên phải,trái + Cúi người xuống ,đứng thẳng người lên + Ngửa người ra phía sau. - Chân: + Đứng nhún chân + Ngồi xuống, đứng lên + Bật tại chỗ	1,2,3,4,5,6,7,8,9

2	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay	- Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh + Đi trong đường hẹp + Đi có mang vật trên tay + Đi theo đường ngoằn ngoèo + Chạy theo hướng thẳng + Bước lên xuống bậc cao 15cm + Bước lên xuống bậc có tay vịn + Đứng co 1 chân + Đi bước qua gậy kê cao + Đi bước vào các ô	1,2,3,4,5,6,7,8,9
3	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt, thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném xa, đá bóng, tung-bắt bóng; ném vào đích.	- Tập tung, ném bắt: + Tung - bắt bóng cùng cô + Tung bóng qua dây + Tung bóng bằng 2 tay + Ném bóng về phía trước + Ném xa bằng 1 tay + Ném bóng vào đích + Ném bóng trúng đích(xa 70-100cm) + Ném qua dây - Tập nhún bật: + Bật tại chỗ + Bật qua vạch kẻ + Bật xa bằng 2 chân + Bật về phía trước + Nhún, bật tại chỗ	1,2,3,4,5,6,7,8,9
4	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò, trườn để giữ được vật đặt trên lưng	- Tập bò, trườn + Bò thẳng hướng theo đường hẹp + Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng + Bò chui qua cổng + Bò qua vật cản + Trườn qua vật cản + Trườn chui qua cổng	1,2,3,4,5,6,7,8,9
5	Vận động cổ tay, bàn	- Thực hiện vận động của bàn tay,	1,2,3,4,5,6,7,8,9

	tay, ngón tay - thực hiện " múa khéo"	ngón tay múa	
6	Trẻ phối hợp được cử động được bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất, nặn, vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Tập cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt + Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau - Rót, nhào, khấy, đảo, vò xé + Xé giấy, vò giấy + Rót nước + Đổ nước vào cốc khuấy đều - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây + Xâu vòng tặng bạn - Nhón nhặt đồ vật: + Nhón nhặt đồ vật bằng 2 ngón tay (Nhón hạt vòng) + Nhón nhặt đồ vật bằng 3 ngón tay (nhón khối gỗ bằng 3 ngón tay để xếp) - Tập xâu, luồn dây, buộc dây + Hạt có lỗ để xâu, xâu hạt vào sợi dây sau đó buộc 2 đầu sợi dây lại để tạo thành vòng : xâu hạt theo màu, Xâu vòng tặng bạn, Xâu vòng tặng mẹ, Xâu vòng 1/2 màu đỏ, 1/2 màu vàng, Xâu vòng xen kẽ màu xanh, đỏ, xâu vòng con bướm. - Nhào đất nặn: nắn bóp, đập, véo, lăn đất trên bảng hoặc trên tay (nặn viên bi, quả bóng, quả cam, cái bánh, con giun, chiếc dừa, cái vòng..) - Tập cầm bút tô, vẽ: cầm bút tay phải, bằng ngón tay, cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc: Di đốm màu, tô màu tán lá.... - Lật mở trang sách: Trẻ xem sách tranh, trẻ nhìn vào sách và lật từng	1,2,3,4,5,6,7,8,9

		trang gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh	
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
7	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau + Một số loại thức ăn cần thiết cho trẻ. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống; Ăn chín, uống sôi; - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, uống, vệ sinh	1,2,3,4,5,6,7,8,9
8	Cân nặng, chiều cao trẻ trai, gái Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	- Cân nặng: + Trẻ trai: 11,3 - 18,3kg + Trẻ gái: 10,8 - 18,1kg - Chiều cao: + Trẻ trai: 88,7 - 103,5cm + Trẻ gái: 87,4 - 102,7cm - Thực hiện cân đo cho trẻ 4 lần/ năm - Trẻ suy dinh dưỡng cân vào hàng tháng. - Luyện tập thói quen ngủ 1 giấc trưa	1,2,3,4,5,6,7,8,9
9	Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh - <i>Dạy trẻ nhận biết sự khác nhau giữa bạn trai và bạn gái.</i>	1,2,3,4,5,6,7,8,9
10	Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh)	- Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt	1,2,3,4,5,6,7,8,9
11	Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm	- Tự phục vụ: xúc cơm, uống nước; mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo; chuẩn bị chỗ ngủ	1,2,3,4,5,6,7,8,9

	khí trời lạnh		
12	Trẻ tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm(bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào gần hoặc đến gần. - Kỹ năng những bức tranh chỉ dẫn tránh xa nguy hiểm	3, 4,9
13	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động gây nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở. - Hạn chế nguyên nhân gây tai nạn thương tích thường gặp đối với trẻ em như: Chấn thương, bỏng, dị vật ở tai mũi, họng, ngộ độc, đuối nước.	1,2,3,4,5,6,7,8,9

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

14	Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu + Trò chơi: Đồ dùng gì biến mất + Cất đồ chơi đúng chỗ + Đồ dùng yêu thích của bé - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật tiếng kêu của một số con vật quen thuộc + Nghe âm thanh của 2 dụng cụ xắc xô, phách che, Trống, mõ + Nghe và đoán tiếng kêu của một số con vật nuôi trong gia đình - Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng. + Một số thực phẩm cần thiết cho bé + Một số loại quả quen thuộc (Quả xoài, quả cam, Quả mít, dưa hấu, + Ném một số loại quả + Ngửi một số loại hoa quen thuộc - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết	1,2,3,4,5,6,9
----	--	---	---------------

		cứng-mềm, trơn (nhẵn)-xù xì + Bát, đĩa, thìa + Ấm, cốc, chén. + Sờ một số loại quả	
15	Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Cho em ăn, ru em ngủ, nấu ăn, bán hàng, bác sĩ khám bệnh, tắm cho bé - Xoong, nồi, bát, đĩa, các loại rau củ quả, các loại đồ chơi phương tiện giao thông - Kỹ năng soi gương.	1,2,3,4,5,6,7,8
16	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi	- Tên một số đặc điểm bên ngoài của bản thân (Tên, tuổi, diện mạo, sở thích... của bé); Mắt, mũi, miệng - Công việc của cô và trẻ ở lớp mẫu giáo - Tên của cô giáo các bạn nhóm/ lớp (Tên, công việc của cô giáo và các bạn.) - Tên, công việc của các cô bác trong trường - Tên và công việc những người gần gũi trong gia đình (Những người thân trong GD bé) - Mẹ và công việc của mẹ. - Kỹ năng gọi tên các bộ phận trên cơ thể.	1,2, 3,9
17	Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi	- Tên ,chức năng chính của một số bộ phận của cơ thể: (Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân) - <i>Dạy trẻ nhận biết các bộ phận của cơ thể bé.....</i>	2
18	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi	- Trò chuyện về tết trung thu - Ngày hội 8/3.	1,2,3,4,5, 6,7,8,9

	bật của đồ dùng, đồ vật, hoa quả, con vật, một số phương tiện giao thông quen thuộc, các ngày lễ hội trong năm.	- Nhận biết một số đồ dùng của bản thân đồ dùng đồ chơi của lớp: Búp bê, bóng, Quần, áo, mũ, dép. Trang phục mùa hè. - Nhận biết một số đồ dùng trong gia đình + Tên gọi, công dụng, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình + Một số đồ dùng để ăn (Bát, đĩa, thìa) + Một số đồ dùng để ăn (Ấm, cốc, chén) - Trò chuyện về các hoạt động ngày tết + Trò chơi: Đồ dùng gì biến mất, cái gì biến mất - Tên gọi, đặc điểm nổi bật của các loại hoa hồng, Cúc, Đồng tiền... - Tên gọi, đặc điểm nổi bật của các loại quả... - Tên gọi, đặc điểm nổi bật của các loại rau ăn củ quả : Củ su hào, Cà rốt, cà chua, đậu đỗ.... - Tên gọi, đặc điểm nổi bật của các loại rau ăn lá - Nhận biết 1 số loại cây xanh - Trò chuyện về các hoạt động của ngày tết. - Nhận biết một số loại quả quen thuộc (Quả xoài, quả cam, Quả mít, dưa hấu) - Nhận biết tên gọi và 1 số đặc điểm nổi bật con vật nuôi trong gia đình (Con gà trống, con vịt, Gà mái, mèo, chó, cá, tôm + Trò chơi: Bắt chước tiếng kêu của các con vật - Nhận biết tên gọi và 1 số đặc điểm	
--	--	---	--

		nổi bật con vật sống trong rừng + Con voi; con hổ, gấu, sư tử.... - Nhận biết tên gọi và 1 số đặc điểm nổi bật con vật sống dưới nước. - Nhận biết tên gọi và 1 số đặc điểm nổi bật con côn trùng. - Tên gọi, đặc điểm nổi bật một số phương tiện giao thông, đường bộ, đường hàng không, đường thủy - Trò chuyện về một số đồ dùng của lớp mẫu giáo.	
19	Trẻ chỉ/nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	- Trò chơi: Tìm đúng màu - NB một số màu cơ bản: Màu đỏ, vàng, xanh.	1,2,3,4,5,6,7,8,9
20	Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ, hình dạng, số lượng, vị trí không gian, thời gian theo yêu cầu	- Nhận biết: kích thước to – nhỏ - Nhận biết hình tròn, hình vuông. - Nhận biết vị trí trong không gian: (trên – dưới – trước – sau) so với bản thân trẻ - phía trước, phía sau của bé có gì - Nhận biết số lượng: Một và nhiều - Chọn bánh to - nhỏ - Các hiện tượng đặc trưng của thời tiết mùa hè	2,3,4,5,6,7,8,9
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
*Nghe			
21	Trẻ nghe hiểu được lời nói, Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động.	- Nghe và thực hiện được các yêu cầu bằng lời nói: Cất đồ chơi vào rổ, đi ra rửa tay - Xếp hàng rửa tay, rửa tay xong lau tay, đi về chỗ ngồi ăn cơm..... - Cởi áo ra cất áo vào túi, ngồi vào học bài	1,2,3,4,5,6,7,8,9
22	Trẻ nghe và trả lời được các câu hỏi: Ai	- Nghe và trả lời được các câu hỏi: “Cái gì?” “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “ở	1,2,3,4,5,6,7,8,9

	đấy; Cái gì đấy; Làm gì; Thế nào...	đâu”; “Như thế nào”	
23	Trẻ nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe nói được tên, hành động của các nhân vật trong truyện + Truyện: Đôi bạn nhỏ + Truyện: Thỏ ngoan + Truyện: Thỏ con không vâng lời + Truyện: Quả trứng + Truyện: Cây táo + Truyện: Bé Mai đi công viên + KCTT: Lốp mẫu giáo + KCTT: Một ngày bé đến trường - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát phù hợp với độ tuổi	1,2,3,4,5,6,7,8,9
* Nói			
24	Trẻ biết phát âm rõ tiếng	- Phát âm các âm khác nhau	1,2,3,4,5,6,7,8,9
25	Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	1, 2,3,4, 5,6,7, 8,9
26	Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3- 4 từ ca dao đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo thơ: Bạn mới, Cô dạy, Trăng sáng, Cô giáo của em, cái lưỡi, miệng xinh. Đôi mắt của em;. Đi dép. Giờ ăn, Yêu mẹ, Dỗ em, Miệng xinh, Con trâu . Con voi . Rong và cá , Ong và bướm. Cây đào, Đi chợ tết , Hoa nở , Bắp cải xanh , Mưa, Quả thị, Chăm rau, Xe đạp; . Đi chơi phố; Cây đào; Mẹ và con; Con tàu; Đi nắng; Bóng mây, Mưa , Tiết kiệm nước - ĐD: Nu na nu nống ; Dung dăng dung dẻ - Ông giăng ông giăng; Chi chi chành	1,2,3,4,5,6,7,8,9

		. Tay đẹp; . Công cha nghĩa mẹ. . Lúa ngô, đậu nành; . Con gà cục tác Con mèo mà trèo cây cau . Con voi. Ông sáo ông sao, con kiến mà leo cành đa; Lạy trời mưa xuống.	
27	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.	1,2,3,4,5,6,7,8,9
28	Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: chào hỏi, trò chuyện; bày tỏ nhu cầu của bản thân; hỏi về các vấn đề quan tâm.	- Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì? làm gì? ở đâu? thế nào? để làm gì? tại sao?...	1,2,3,4,5,6,7,8,9
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, KNXH và thẩm mỹ			
29	Trẻ nói được một vài thông tin về mình(tên, tuổi)	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Kỹ năng soi gương - Kỹ năng gọi tên các bộ phận trên cơ thể.	1,2
30	Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình	1,2,3,4,5,6,7,8,9
31	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh - Chấp nhận chính kiến của người khác, trách nhiệm, khoan dung, đoàn kết; kỹ năng kiểm soát cảm xúc bản thân.	1,2,3,4,5,6,7,8,9
32	Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc: vui,	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	2

	buồn, sợ hãi	- Biết coi trọng bản thân, kiểm soát cảm xúc, chế ngự hành vi cá nhân tiêu cực, đồng cảm	
33	Biểu lộ được cảm xúc: vui buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ	- Thể hiện cảm xúc vui buồn, sợ hãi qua nét mặt cử chỉ	2
34	Trẻ bộc lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu gọi	- Quan tâm đến con vật nuôi: chăm sóc, bảo vệ chúng, giả làm bắt chước tiếng kêu một số con vật: chó sủa gâu gâu? Gà trống gáy ò ó o o, con mèo kêu meo meo, con vịt kêu cạp cạp	4
35	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”	1,2,3,4,5,6,7,8,9
36	Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ(trò chơi bế em, khuấy bột, cho em ăn, nghe điện thoại...)	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.xoong, nồi, bát, đĩa, cốc, thìa, bếp... + Nấu ăn, cho em ăn, ru em ngủ, khám bệnh, tắm cho bé, bán hàng....	1,2,3,4,5,6,7,8,9
37	Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Chơi cạnh bạn, không cầu bạn. - <i>Giáo dục trẻ chơi đoàn kết với bạn, không đánh bạn, không giật đồ chơi của bạn.</i>	1,2,3,4,5,6,7,8,9
38	Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.	1,2,3,4,5,6,7,8,9

39	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau: rước đèn; Cô và mẹ, quả bóng, mừng sinh nhật, cái mũi, tập tầm vông, đôi dép, mời bạn ăn, mẹ yêu không nào, biết vâng lời mẹ, chiếc khăn tay, cả nhà thương nhau, rửa mặt như mèo, con gà trống, cá vàng bơi, chú khỉ con, cùng múa vui, sắp đến tết rồi, em yêu cây xanh, hái hoa, bấp cái xanh, quà 8/3, đoàn tàu nhỏ xíu, lái ô tô, nhỏ và to, màu hè đến, ếch ộp, trời nắng trời mưa, cháu đi mẫu giáo, Cô giáo miền xuôi, Trường chúng cháu là trường MN, Xòe bàn tay, nắm ngón tay, Thật đáng chê, Cả nhà thương nhau; Bàn tay mẹ, Em yêu cô giáo, Cô giáo miền xuôi, Biết vâng lời, Ru con; Chim mẹ, chim con, Chú voi con ở bản Đôn, Nghe hát : Lý cây xanh , Màu hoa; Lý cây bông, hoa trường em, Ru con, Em đi qua ngã tư đường phố, : Anh phi công ơi, cò lả, chị ong nâu và em bé. - Nghe âm thanh của các dụng cụ: Nghe âm thanh của nhạc cụ, Nghe âm thanh của 2 nhạc cụ - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc bài hát: Cùng múa vui, Chào hỏi, Mừng sinh nhật, Búp bê, Tập tầm vông, - VDTN: Bóng tròn to, Cái mũi, Đôi dép, Mời bạn ăn, Mẹ yêu không nào, Cháu yêu bà, Kéo cưa lừa xẻ, Giờ đi ngủ, Lời chào buổi sáng,	1,2,3,4,5,6,7,8;9
----	--	--	-------------------

		Ru con, Em đi qua ngã tư đường phố, : Anh phi công ơi, Trường chúng cháu là trường mầm non. - Nghe âm thanh của các dụng cụ: Nghe âm thanh của nhạc cụ, Nghe âm thanh của 2 nhạc cụ - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc bài hát: Cô và mẹ, Quả bóng, Bông tròn to; Rước đèn, VĐ : cùng múa vui, Chào hỏi, Mừng sinh nhật, Búp bê, Tập tầm vông, VĐTN: Bông tròn to, Cái mũi, Đôi dép, Mời bạn ăn, Biết vâng lời mẹ, Chiếc khăn tay, Cả nhà thương nhau, Mẹ yêu không nào, Cháu yêu bà, Kéo cưa lừa xẻ, Giờ đi ngủ, Lời chào buổi sáng, Rửa mặt như mèo, Chú khỉ con, Hái hoa, Con gà trống, Là con mèo, Voi làm xiếc, Cá vàng bơi, Mùa xuân đến rồi, Sắp đến tết rồi, Em yêu cây xanh, Như những cánh hoa, Bắp cải xanh, Quà 8/3, Quả, Lái ô tô, Em tập lái ô tô, Nhớ lời cô dặn, đoàn tàu nhỏ xíu, Em đi chơi thuyền, Nhỏ và to,Ếch ộp, Trời nắng trời mưa, Cho tôi đi làm mưa với, Mùa hè đến, Cháu đi mẫu giáo .	
40	Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Dạy trẻ hiểu biết đơn giản về thời tiết, dấu hiệu nhận biết thời tiết: Nắng, Mưa, mây, gió, nóng, lạnh... - Dạy trẻ nhận biết các mùa trong năm: Mùa xuân, mùa hạ, mùa thu, mùa đông. Các hiện tượng đặc trưng của thời tiết mùa hè	2,5,8,9

41	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh	- Vẽ các đường nét khác nhau: Vẽ mưa, Vẽ cuộn len, Dán: Dán hoa tặng bà, mẹ, Dán tai thỏ - Di đốm màu, Tô màu đồ dùng trong gia đình, Tô màu các con vật nuôi trong gia đình, Tô màu áo hoa, Tô màu các loại hoa, (quả), Tô màu tán lá, Tô màu rau, củ quả, Tô màu máy bay, Tô màu những đám mây, mặt trời, TM trang phục mùa hè, Tô màu bút chì - Làm quen với đất nặn, nặn bánh tròn, Nặn các loại bánh, Nặn con giun, Nặn thức ăn cho gà vịt, Nặn bánh dày, Nặn các loại quả tròn to nhỏ, Nặn quả ngày tết, Nặn đồ chơi bé thích. - Xé, vò: Xé giấy, vò giấy - Xâu: Xâu vòng con bướm, Xâu vòng $\frac{1}{2}$ màu đỏ $\frac{1}{2}$ màu xanh, Xâu vòng xen kẽ các màu xanh đỏ vàng, Xâu vòng tặng bạn. - Xếp hình, xếp sát cạnh nhau, xếp chồng lên nhau: Xếp cổng trường, Xếp nhà cao 3 -4 tầng, Xếp đường vào lớp, Xếp chuồng cho con vật, Xếp ao cá, Xếp vườn hoa, Xếp hàng rào, Xếp gara xe đạp,(ô tô). Xếp tàu thủy,	1, 2,3,4,5,6,7,8;9
----	--	---	--------------------

V. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHÁC:

- Tăng cường công tác phối hợp liên ngành và gia đình nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non trong bối cảnh dịch bệnh
- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, tận tâm, phòng, chống bạo lực học đường.
- Tổ chức các hoạt động giáo dục cảm xúc cho trẻ thông qua trải nghiệm.
- Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội thông qua các hoạt động hằng ngày.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục giới cho trẻ mầm non.
- Tổ chức các hoạt động giáo dục sáng tạo và cảm thụ nghệ thuật cho trẻ mầm non thông qua hoạt động tạo hình.
- Tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ trải nghiệm nhằm hình thành và phát triển các biểu tượng toán cho trẻ mầm non.
- *Tổ chức các hoạt động cho trẻ tạo nên giờ học hạnh phúc, lớp học hạnh phúc trong trường học hạnh phúc để thực hiện chủ đề “ Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, tôn trọng quyền trẻ em”.trong các hoạt động ở trường mầm non.*
- *Tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ thông qua các hoạt động trải nghiệm, lồng ghép, chuyên biệt*
- *Trang trí góc, lớp học STEAM, tổ chức 1 số hoạt động học, chơi theo phương pháp STEAM.*
- *Tổ chức hoạt động thư viện thân thiện theo kế hoạch*
- *Hướng dẫn một số ứng dụng công nghệ trong tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non.(Ứng dụng phần mềm Vnedu.vn: Chữ kí số của GV, tổ trưởng, Ban Giám hiệu).*

VI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

BAN GIÁM HIỆU
(Ký, duyệt)

GIÁO VIÊN XÂY DỰNG
(Ký)

Ký bởi: Đào Thị Lai

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian Từ ngày..đến ngày	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội	Điều chỉnh BS
		Đón trẻ - Rèn nề nếp	Từ 3/9 – 5/9	Nghỉ lễ 2/9; Khai giảng 5/9	Tùy theo thời gian, chủ đề GV lồng ghép các ngày lễ hội, GDLTLT TGDDD; GD sử dụng tiết kiệm năng lượng hiệu quả; GD kỹ năng sống; GD học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách HCM; giới - bình đẳng giới; phòng chống thiên tai cho phù hợp
Từ ngày 8/9 đến 26/9/2025	Bé vui đến trường (3 tuần)	Bé yêu cô giáo và các bạn Đồ chơi ở lớp của bé Các cô các bác trong trường MN	Từ 8/9 – 12/9 Từ 15/9 – 19/9 Từ 22/9 – 26/9		
Từ ngày 29/09 Đến 31/10/2025	Bé là ai (5 tuần)	Tết trung thu Bé hãy giới thiệu về mình Cơ thể kỳ diệu của bé Đồ dùng cá nhân của bé Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	Từ 29/9 – 3/10 Từ 06/10 – 10/1 Từ 13/10 – 17/10 Từ 20/10 – 24/10 Từ 27/10 – 31/10	Tết trung thu	
Từ 03/11 đến 28/11/2025	Mẹ và những người thân yêu của bé (4 tuần)	Ngôi nhà thân yêu của bé Đồ dùng trong gia đình bé Mẹ của bé Những người thân yêu của bé	Từ 3/11 – 07/11 Từ 10/11 – 14/11 Từ 17/11 – 21/11 Từ 24/11 – 28/11	Ngày 20/11	
Từ 01/12 đến 02/01/2026	Những con vật đáng yêu (5 tuần)	Những con vật nuôi trong GD (Gia cầm) Những con vật nuôi trong GD (Gia súc) Những con vật sống dưới nước Những con vật trong rừng Những con côn trùng	Từ 01/12 – 05/12 Từ 08/12 – 12/12 Từ 15/12 – 19/12 Từ 22/12 - 26/12 Từ 29/12 – 2/1	 Tết dương lịch	
Từ 05/01 đến 30/01/2026	Cây xanh và một số loại rau (4 tuần)	Cây xanh Ôn tập kết thúc học kì I Một số loại rau ăn lá Một số loại rau ăn củ, quả	Từ 5/1 – 09/1/26 Từ 12/1 – 16/1 Từ 19/1 – 23/01 Từ 26/1 - 30/1	KT HK I - TG HK II	
Từ 02/02 đến 13/3/2026	Tết và mùa xuân – Ngày hội 8/3 (5 tuần)	Các loại quả ngon Bé vui đón tết Mùa xuân của bé Ngày hội 8/3 Những bông hoa đẹp	Từ 02/2 – 6/2 Từ 09/2 - 13/2 Nghỉ tết nguyên đán từ 14/2- 22/2/2026 Từ 23/2 - 27/2 Từ 02/3 – 6/3 Từ 9/3 – 13/3	 Ngày hội 8/3	
Từ 16/3 đến 10/04/2026	Bé có thể đi khắp nơi bằng PT gì (4 tuần)	PTGT đường bộ (Tuần 1) PTGT đường bộ (Tuần 2) PTGT đường thủy	Từ 16/3 – 20/3 Từ 23/3 – 27/3 Từ 30/3 – 3/4		

		PTGT đường hàng không	Từ 6/4 – 10/4	Giỗ tổ Hùng Vương
Từ 13/04 đến 01/05/2026	Mùa đến rồi (3 tuần)	Thời tiết mùa hè Trang phục mùa hè Bé làm được gì trong mùa hè	Từ 13/4 – 17/4 Từ 20/4 – 24/4 Từ 27/4 – 1/5	
Từ 04/05 đến 22 /5/2026	Bé lên mẫu giáo (3 tuần)	Lớp mẫu giáo 3 tuổi Các hoạt động trong lớp của bé Bé sắp lên mẫu giáo	Từ 04/5 – 08/5 Từ 11/5 – 15/5 Từ 18/5 – 22/5	CT ĐBP 7/5 SN Bác Hồ 19/5
Tổng số		9 chủ đề	35 tuần + 1 tuần ôn	